

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/DS-ST
Ngày: 30-11-2019
V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C- TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Luyến;

2. Bà Trần Thị Phiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bửu Linh- – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Gia T, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số nhà 1102, ấp Tân Th, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Th, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số nhà 1094/B, ấp Tân H, xã Tân N, huyện C, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, ông Lê Gia T trình bày:

Trước đây, ông T có cho ông Th vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay, ông Th đều có làm biên nhận cho ông T. Số tiền mỗi lần vay ít nhất là 50.000.000 đồng, nhiều nhất là 4-5 tỷ đồng. Trong những số tiền cho ông Thiện vay, ông T dùng uy tín hỏi vay của người khác (bà H, ông X, ông H, bà O, Quách Tấn Ph, D...), ông T nhận tiền (chuyển khoản, tiền mặt) rồi giao cho ông Th hoặc những người này chuyển khoản trực tiếp cho ông Th. Lãi suất tùy theo người: Bà O 2%/tháng, ông X 6%/tháng, ông Ph, D, H 9%/tháng. Cách thức ông Th trả lãi là giao tiền mặt hoặc chuyển khoản cho ông T, để ông T trả lãi trực tiếp cho những người cho vay.

Việc vay mượn, trả lãi suông sẻ cho đến khi vợ chồng ông T phát sinh mâu thuẫn, vợ ông T yêu cầu ly hôn ông T, tranh chấp tài sản, dẫn đến việc Ngân hàng không cho ông T đáo nợ, việc làm ăn của ông Th gặp khó khăn. Khi đó, ông T mới yêu cầu ông Th làm lại giấy nợ cho ông T cho thống nhất. Do đó, cùng ngày 01-10-2015, ông Th làm 04 biên nhận mượn tiền của ông T, cụ thể như sau:

- Biên nhận 3.300.000.000 đồng. Số tiền này, sau đó ông Th thống nhất thay ông T trả cho bà Phan Thị Quốc H 1.650.000.000 đồng, ông Đinh Văn X 1.650.000.000 đồng (Có giấy xác nhận cam kết thanh toán nợ 03 bên: ông Th, ông T với bà H, ông X, bút lục 57, 62 trong hồ sơ vụ án);

- Biên nhận 2.360.000.000 đồng: Ông Th trả cho ông T nhiều lần, sau đó thống nhất lại còn 539.920.000 đồng (vốn và lãi), ngày 16-12-2015 (theo tờ giấy ông Th cung cấp, tại bút lục 51.)

- Biên nhận 1.095.000.000 đồng;

- Biên nhận 1.900.000.000 đồng.

Trong đó biên nhận 1.900.000.000 đồng ông Th vay nhằm ứng trước tiền xây nhà, xưởng cho ông T.

Ngoài ra, giữa ông T và ông Th còn vay mượn qua lại, cản trừ các khoản khác. Sau đó, ông Th thống nhất trả cho bà Nguyễn Thị Kim O 1.300.000.000 đồng, ông Nguyễn Thanh H 1 tỷ đồng thay cho ông Th (Có giấy xác nhận cam kết thanh toán nợ ba bên, bút lục 59, 61 trong hồ sơ vụ án).

Đối với số tiền 1.900.000.000 đồng, sau khi làm biên nhận vay, ông Th không thực hiện việc xây dựng nhà, xưởng, chỉ làm một nhà kho, trị giá khoảng 500.000.000 đồng, và trả tiền mặt cho ông T 200.000.000 đồng.

Nay, ông T yêu cầu ông Th trả số tiền vốn là 1.200.000.000 đồng, và lãi từ 01-10-2015 đến 01-10-2019 lãi suất 10%/ năm, số tiền 480.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông Th xác định ông Thiện không còn nợ ông khoản nào khác, không yêu cầu ông T trả khoản nợ nào khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Minh Th trình bày:

Số tiền 1.900.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01-10-2015, mà ông T kiện ông, không phải là tiền vay mà là tiền lãi của các khoản vay trước đó, viết

lại từ biên nhận ngày 08-4-2015 do ông Th cung cấp (bút lục 50 trong hồ sơ vụ án). Sau đó, ông T có làm cho ông Th 01 nhà xưởng và trả thêm 200.000.000 đồng, tổng cộng 853.000.000 đồng, và căn trừ các khoản khác nên chỉ còn nợ lại 335.000.000 đồng.

Ông Th chỉ đồng ý trả cho ông T 335.000.000 đồng và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại lãi suất đã trả cho ông T của các khoản vay trước đó.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nên kiến nghị khắc phục.

Về nội dung vụ án: Căn cứ biên nhận ngày 01-10-2015, số tiền 1.900.000.000 đồng, nguyên đơn trình bày đã căn trừ tiền bị đơn xây dựng nhà kho 500.000.000 đồng và tiền mặt 200.000.000 đồng chỉ yêu cầu bị đơn trả vốn 1.200.000.000 đồng và lãi 480.000.000 đồng. Bị đơn xác định có ký tên vào biên nhận, nhưng không có căn cứ chứng minh là tiền lãi, không có căn cứ chứng minh tiền xây dựng nhà kho thống nhất căn trừ là 853.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Gia T yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Minh Th trả số tiền 1.200.000.000 đồng và lãi 480.000.000 đồng, tổng cộng 1.680.000.000 đồng. Ông Th không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T, cho rằng số tiền 1.900.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01-10-2015 mà ông T kiện ông, không phải là tiền vay mà là tiền lãi của các khoản vay trước đó, viết lại từ biên nhận ngày 08-4-2015. Sau đó, ông Th có làm cho ông T 01 nhà xưởng và trả thêm 200.000.000 đồng, tổng cộng 853.000.000 đồng, và căn trừ các khoản khác nên chỉ còn nợ lại 335.000.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn thống nhất, ngoài biên nhận 1.900.000.000 đồng ngày 01-10-2015, ông Th còn làm cho ông T 03 biên nhận khác: số tiền 3.300.000.000 đồng, 2.360.000.000 đồng, 1.095.000.000 đồng. Hai bên thống nhất có việc căn trừ nợ 03 bên theo các giấy xác nhận cam kết nợ do bị đơn cung cấp. Nguyên đơn không khởi kiện đối với 03 biên nhận: số tiền 3.300.000.000 đồng, 2.260.000.000 đồng, 1.095.000.000 đồng vì đã giải quyết xong. Căn cứ Khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này.

[2.2] Riêng giấy mượn tiền, số tiền 1.900.000.000 đồng ngày 01-10-2015, ông Th thừa nhận có ký tên, nhưng cho rằng đây là khoản lãi của các khoản vay

khác và đã cản trừ tiền làm nhà xưởng, trả tiền mặt cho ông T, chỉ còn nợ 335.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Th không có căn cứ chứng minh cho trình bày của mình. Xét tờ giấy ghi kết nợ ngày 08-4-2015 là do ông Th tự ghi, không có xác nhận của ông T. Ông T trình bày giữa hai bên có rất nhiều khoản vay, giao dịch tiền bạc qua lại trong thời gian dài, do hai bên là chỗ bạn bè thân thiết nên có những khoản không làm giấy tờ. Tuy nhiên, tất cả đã giải quyết xong, tổng kết cuối cùng là 04 biên nhận ngày 01-10-2015. Ông Th không có căn cứ chứng minh ông T ép buộc ông Th phải ký tên vào 04 giấy mượn nợ ngày 01-10-2015. Do đó, căn cứ tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, bị đơn thừa nhận có ký tên, xác định có việc ông T vay của ông Th số tiền 1.900.000.000 đồng.

[2.3] Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”

Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”

[2.4] Căn cứ quy định pháp luật trên, việc nguyên đơn trình bày, sau khi cản trừ tiền xây dựng nhà kho, trả tiền mặt, chỉ yêu cầu bị đơn trả vốn 1.200.000.000 đồng và tiền lãi 480.000.000 đồng (10%/năm) là có căn cứ, có lợi cho bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Th trả cho ông T số tiền vốn 1.200.000.000 đồng và lãi 480.000.000 đồng, tổng cộng 1.680.000.000 đồng.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

[5] Đối với yêu cầu của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền lãi đã trả của các khoản vay, tuy nhiên bị đơn chưa có đủ chứng cứ chứng minh, không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
 2. Buộc ông Nguyễn Minh Th trả cho ông Lê Gia T tiền vốn vay là 1.200.000.000 đồng và lãi 480.000.000 đồng, tổng cộng 1.680.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng*).
 3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
 4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 62.400.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).
- Hoàn trả cho ông Lê Gia T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.000.000 đồng, theo biên lai số 03704 ngày 12-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.
5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.
 6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (02 bản);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành (01 bản);
- Tòa án Tỉnh (01 bản);
- Chi cục Thi hành án Huyện (01 bản);
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án (04 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(*đã ký*)

Kiều Kim Xuân